

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Theo định hướng ứng dụng

Ngành: Nội khoa

Mã số: 8720107

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 05 tín chỉ:

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Triết học	3	3	0
2	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 08 tín chỉ.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Sinh học phân tử	2	1	1
2	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
4	Thống kê y học	2	2	0

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 tín chỉ

TT	TÊN HỌC PHẦN Kiến thức cơ bản trong nội khoa	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1	NỘI TIẾT: 1. Các bệnh lý nội tiết thường gặp 2. Đái tháo đường cơ bản	1 1	1 1	0 0
2	THẦN KINH: Thần kinh học trong nội khoa 1. Đau đầu 2. Hôn mê	1 1	1 1	0 0
3	TÂM THẦN: 1. Rối loạn trầm cảm 2. Rối loạn lo âu	1 1	1 1	0 0
4	LÃO KHOA: 1. Tiếp cận toàn diện bệnh nhân cao tuổi 2. Sử dụng thuốc ở người cao tuổi	1 1	1 1	0 0
5	NỘI TỔNG QUÁT: Tiếp cận một số vấn đề nội tổng quát 1. Tiếp cận bệnh nhân tăng huyết áp 2. Đọc X quang lồng ngực 3. Tiếp cận bệnh nhân khó thở 4. Tiếp cận bệnh nhân đau ngực 5. Tiếp cận bệnh nhân đau bụng cấp 6. Mười hội chứng thận học	1 1 1 1 1 1	1 1 1 1 1 1	0 0 0 0 0 0
6	DA LIỄU: 1. Phản ứng da do thuốc 2. Hàng rào bảo vệ da và miễn dịch đề kháng	1 1	1 1	0 0

7	HUYẾT HỌC: 1. Máu và các chế phẩm sử dụng trong điều trị 2. Chẩn đoán và điều trị thiếu máu	1 1	1 1	0 0
Phần tự chọn: 20 TC				
1	Nội khoa tổng quát: 1. Nội Tim mạch 2. Nội Tiêu hóa 3. Nội Hô hấp 4. Nội Thận	20 5 5 5 5	8 2 2 2 2	12 3 3 3 3
2	Thần kinh: 1. Khoa học thần kinh 2. Bệnh lý mạch máu não 3. Động kinh 4. Rối loạn vận động 5. Bệnh thần kinh cơ	20 4 4 4 4 4	10 2 2 2 2 2	10 2 2 2 2 2
3	Nội tiết: 1. Bệnh lý đái tháo đường 2. Đại cương bệnh tuyến yên 3. Bệnh lý thượng thận 4. Bệnh lý tuyến giáp 5. Rối loạn điện giải và loãng xương	20 4 4 4 4 4	11 4 1 4 1 1	9 0 3 0 3 3
4	Tâm thần: 1. Các rối loạn tâm thần thường gặp 2. Rối loạn tâm thần người già 3. Rối loạn tâm thần trẻ em 4. Dược lý tâm thần 5. Ứng dụng tâm lý trị liệu trong chuyên ngành sức khỏe tâm thần	20 4 4 4 4 4	10 2 2 2 2 2	10 2 2 2 2 2
5	Da liễu (chọn 05 trong 07 học phần): 1. Da liễu đại cương (bắt buộc) 2. Bệnh da miễn dịch dị ứng (bắt buộc) 3. Bệnh da nhiễm trùng (bắt buộc) 4. Bệnh lây truyền qua đường tình dục (bắt buộc) 5. Bệnh da khác (tự chọn) 6. Thẩm mỹ da (tự chọn) 7. Sinh học phân tử và điều trị nhắm trúng đích da liễu (tự chọn)	20 4 4 4 4 4 4 4	10 2 2 2 2 2 2 2	10 2 2 2 2 2 2 2
6	Huyết học 1. Huyết học – Truyền máu đại cương 2. Tế bào và cơ quan tạo máu 3. Miễn dịch và sinh học phân tử trong huyết học 4. Đông máu học 5. Huyết học lâm sàng	20 5 5 5 5 5	8 5 1 1 1 1	12 0 4 4 4 4

7	Lão khoa (chọn 05 trong 07 học phần)	20	11	9
	1. Tích tuổi học đại cương	4	4	0
	2. Hội chứng Lão hóa	4	1	3
	3. Biến đổi cấu trúc và chức năng các hệ cơ quan theo tuổi	4	4	0
	4. Các bệnh thường gặp ở người cao tuổi	4	1	3
	5. Chăm sóc giảm nhẹ trong Lão khoa	4	1	3
	6. Dinh dưỡng ở người cao tuổi	4	1	3
	7. Hồi sức cấp cứu ở người cao tuổi	4	1	3
8	Kỹ thuật sinh học phân tử	10	4	6

IV. LUẬN VĂN: 9 TC.

CHỦ NHIỆM BỘ MÔN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG